

Bản án số: 24/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16/4/2018
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Quốc Huy

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 390/2017/TLST - HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Khu H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương; nơi ở hiện nay: Khu T, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Văn D, sinh năm 1980

Địa chỉ: Khu H, thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Bùi Thị H trình bày: Chị H và anh D được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04/10/2010 tại UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau ngày cưới, vợ chồng chị sống chung tại nhà mẹ đẻ anh D ở khu H, thị trấn M, huyện K. Chị và anh D sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D mãi chơi, không chịu khó làm ăn lo toan kinh tế và mắc nghiện ma túy. Chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh D không thay đổi, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên từ tháng 8/2017, chị H đã về sống tại nhà mẹ đẻ ở khu T, thị trấn M, huyện K. Anh D có tìm đón chị nhưng chị không đồng ý về đoàn tụ. Chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh D nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn. Về con chung: Chị H và anh D có một con chung là Bùi Thanh K, sinh ngày 07/9/2011, từ khi vợ chồng ly thân, con chung ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản: Chị H và anh D không có tài sản chung nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn là anh Bùi Văn D trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn như nguyên đơn trình bày. Anh D xác định vợ chồng chung sống hòa thuận đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn và chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống. Nguyên nhân chủ yếu do kinh tế khó khăn nên vợ chồng xảy ra bất đồng, cãi nhau. Anh D có đến tìm đón nhưng chị H không đồng ý về sống cùng anh. Anh D xác định vợ chồng khó có thể đoàn tụ nhưng không đồng ý ly hôn vì anh còn tình cảm với chị H và không muốn gia đình tan vỡ. Anh D đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh đoàn tụ với nhau. Về con chung: Anh D xác định vợ chồng anh có một con chung như chị H trình bày ở trên. Trường hợp vợ chồng ly hôn, anh D đồng ý giao con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo sự ổn định cuộc sống và học tập của con. Về tài sản chung và nợ chung: Anh D xác định vợ chồng anh không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho cho chị H ly hôn anh D; về quan hệ con chung: Xử giao cháu Bùi Thanh K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con chung; về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Chị Bùi Thị H khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với anh Bùi Văn D có nơi cư trú tại huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn

theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh D là bị đơn không có yêu cầu phản tố đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D đăng ký kết hôn ngày 04/10/2010 tại UBND thị trấn M, huyện K, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau thời gian sống chung hòa thuận, anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị có khác biệt lớn về quan điểm sống. Mặt khác, do anh D chưa thực sự có trách nhiệm với gia đình, có biểu hiện mãi chơi, nghiện ma túy. Vợ chồng anh chị nhiều lần xảy ra cãi vã và xô sát. Từ tháng 8/2017, chị H về sống tại nhà bố mẹ đẻ, không sống chung cùng anh D. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia đình hai bên tác động hòa giải nhưng không thành. Anh D không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không có biện pháp tích cực để lưu kéo cuộc sống chung. Lý do anh D đưa ra để không đồng ý ly hôn là không chính đáng, nhằm gây khó khăn cho chị H. Quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần tổ chức phiên hòa giải nhưng anh D không đến tham gia, không có lý do chính đáng. Xét mâu thuẫn giữa anh chị đã trầm trọng kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị H và anh D có một con chung là Bùi Thanh K, sinh ngày 07/9/2011, từ khi vợ chồng ly thân, con chung ở cùng chị H. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi con, anh D đồng ý. Do anh D vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình để giao cháu K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Việc chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[4]. Về quan hệ tài sản: Chị H và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Bùi Thị H ly hôn anh Bùi Văn D.

- Về quan hệ con chung: Giao con chung là Bùi Thanh K, sinh ngày 07/9/2011 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

- Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001325 ngày 31/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, chị H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu